TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH L A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2023
V/v: "*Ly hôn"*

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH L A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tuấn Phương.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh L A.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh L A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 63/2023/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2023, về việc: *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hà S, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông PhA Văn C, sinh năm: 1979; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn, bà Lê Hà S trình bày như sau:

Bà và ông PhA Văn C tổ chức lễ vướI vào năm 2002, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh L vào ngày 06/8/2003. Sau khi cưới vợ chồng cất nhà ở riêng trên đất của cha mẹ chồng. Thời giA đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng từ năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C đánh bạc, ngoại tình, đuổi bà đi, đe dọa hành hung bà.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông PhA Văn C.

Vợ chồng có 02 con chung tên PhA Lê Hoài L, sinh này 07/10/2003 và Phan Lê Hoài A, sinh ngày 14/4/2005. Hiện 02 con đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn, ông Phan Văn C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bày đã cung cấp đầy đủ chứng cứ, đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu khởi kiện của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Hà S yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn C, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông C đang cư trú tại huyện Tân Trụ, tỉnh L A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn, ông Phan Văn C, đã được Tòa án cấp tống đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Lê Hà S và ông Phan Văn C xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy bA nhân dân xã Đ, huyện T cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/8/2003 là hôn nhân hợp pháp. Bà S yêu cầu ly hôn vì cho rằng ông C đuổi bà đi và đe dọa hành hung bà. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự các thông báo về việc thụ lý vụ án, về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử cho ông C nhưng ông C không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do. Điều này chứng minh ông C không còn quA tâm đến quA hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà S với ông C là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Lê Hoài L, sinh này 07/10/2003 và Phan Lê Hoài A, sinh ngày 14/4/2005. Hiện 02 con đã trưởng thành, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Lê Hà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Hà S xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Lê Hà S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hà S về việc yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn C.

Về hôn nhân: Cho bà Lê Hà S được ly hôn với ông Phan Văn C.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Hà S phải chịu 300.000đ án phí về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 1763, ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAD tỉnh L A;*
- *VKSND huyện Tân Trụ;*
- *CC THA DS huyện Tân Trụ;*
- *UBND xã Đ, huyện T, tỉnh L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.AV./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Dũng